

Số: 360 /BHXH-DVT

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2015

V/v kiểm soát chi phí và quản lý thanh toán các thuốc BHYT có hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp ít có cạnh tranh trong đấu thầu và có chi phí cao

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc;
- Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Nam.

Tiếp theo Công văn số 2960/BHXH-DVT ngày 12/8/2015 của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam về việc kiểm soát chi phí và quản lý thanh toán các thuốc bảo hiểm y tế (BHYT) có hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp ít có cạnh tranh trong đấu thầu và có chi phí cao (trước đây gọi là thuốc có hàm lượng không phổ biến); để tăng cường hiệu quả sử dụng của quỹ BHYT trong chi trả hợp lý tiền thuốc, BHXH Việt Nam đề nghị BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc, Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Nam (sau đây gọi chung là BHXH tỉnh) thực hiện một số nội dung sau:

1. Căn cứ danh mục các thuốc có hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp ít có cạnh tranh và có chi phí cao nêu tại Phụ lục 01 gửi kèm công văn này, thực hiện rà soát danh mục thuốc đang sử dụng tại cơ sở khám chữa bệnh (KCB), kết quả đấu thầu thuốc đang sử dụng để xác định danh mục các thuốc có hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp ít có cạnh tranh trong đấu thầu và có chi phí cao và đề nghị Sở Y tế, cơ sở KCB phối hợp với bên mời thầu tiếp tục thương thảo, thống nhất mức giá thanh toán BHYT. Tổng hợp báo cáo BHXH Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục 02.

2. BHXH Việt Nam đang tiếp tục trao đổi với Bộ Y tế việc quản lý, thanh toán đối với các thuốc có hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp ít có sự cạnh tranh trong đấu thầu và có chi phí cao. Trong khi chờ ý kiến của Bộ Y tế, kể từ ngày 01/10/2015 cơ quan BHXH tạm thời chưa thanh toán BHYT đối với các thuốc chưa được nhà thầu điều chỉnh giảm giá.

3. Trong quá trình tham gia lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc tại các Hội đồng đấu thầu, lưu ý rà soát danh mục thuốc, giá thuốc để kịp thời phát hiện và đề-

ng nghị Hội đồng đấu thầu không đưa vào kế hoạch mua sắm các thuốc có hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp ít có cạnh tranh trong đấu thầu và có chi phí cao nếu đã có các thuốc cùng hoạt chất với hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp bảo đảm cạnh tranh trên thị trường như hướng dẫn tại Công văn số 4837/BYT-BH ngày 07/7/2015 của Bộ Y tế và Điểm 1 Công văn số 2960/BHXH-DVT ngày 12/8/2015 của BHXH Việt Nam.

✕ Giám đốc BHXH tỉnh phải chịu trách nhiệm về việc không phát hiện, không báo cáo các thuốc có hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp ít có cạnh tranh và có chi phí cao được phê duyệt kết quả đấu thầu và được thanh toán BHYT.

Đề nghị BHXH các tỉnh nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo kịp thời về BHXH Việt Nam (Ban Dược và VTYT) để xem xét, giải quyết. / *kl*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ban: CSYT, TCKT, KT;
- Lưu: VT, DVT (2b). *nh*

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Thảo

**Phụ lục 1: Danh mục các thuốc ít cạnh tranh trong đấu thầu và có chi phí cao**  
(Ban hành kèm theo Công văn số: 3650 /BHXH-DVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của BHXH Việt Nam)



Lý do	Tên hoạt chất	Đường dùng, Dạng bào chế	Nồng độ-Hàm lượng		Đơn vị tính nhỏ nhất	Giá trúng thầu				Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ
			Thuốc so sánh	Thuốc có hàm lượng ít cạnh tranh trong đấu thầu		Thuốc so sánh		Thuốc ít có cạnh tranh trong đấu thầu		
						Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Amoxicilin + acid clavulanic	Uống, bột pha hỗn dịch uống		300mg + 75mg	Gói			5250	10250	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Amoxicilin + acid clavulanic	Bột pha uống	500mg + 62,5mg		gói	2310	3990			Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Amoxicilin + acid clavulanic	Uống, viên nén bao film		600mg + 150mg	Viên			6,750	10500	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Amoxicilin + acid clavulanic	Viên nén bao phim, uống	875mg + 125mg		Viên	2960	4389			Nhóm 3
Dạng bào chế ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Amoxicilin + acid clavulanic	Viên nén phân tán, uống		200mg + 50mg	Viên			8500	9996	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Amoxicilin + acid clavulanic	Viên nén phân tán, uống	200mg+ 28,5mg			3500	4000			Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Amoxicilin + acid clavulanic	Bột pha tiêm		500mg+100mg	Lọ			16,570	21900	Nhóm 3

Lý do	Tên hoạt chất	Đường dùng, Dạng bào chế	Nồng độ-Hàm lượng		Đơn vị tính nhỏ nhất	Giá trúng thầu				Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ
			Thuốc so sánh	Thuốc có hàm lượng ít cạnh tranh trong đấu thầu		Thuốc so sánh		Thuốc ít có cạnh tranh trong đấu thầu		
						Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	
Thuốc so sánh	Amoxicilin + acid clavulanic	Bột pha tiêm	1000mg+2 00mg		Lọ	16700	18900			Nhóm 3
Dạng bào chế ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Amoxicilin	Viên nén bao phim		500mg	Viên			995	1596	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Amoxicilin	Viên nang	500mg		Viên	505	573			Nhóm 3
Dạng bào chế ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Alpha chymotrypsin	Viên nang mềm		4,2mg	Viên			850	990	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Alpha chymotrypsin	Viên nén	4,2mg		Viên	216	605			Nhóm 3
Dạng bào chế ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefalexin	Viên bao phim		250mg	Viên			1195	1250	Nhóm 3
Dạng bào chế ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefalexin	Viên bao phim		500mg	Viên			1800	1820	Nhóm 3
Dạng bào chế ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefalexin	Viên bao phim		1000mg	Viên			2150	2700	Nhóm 3

Lý do	Tên hoạt chất	Đường dùng, Dạng bào chế	Nồng độ-Hàm lượng		Đơn vị tính nhỏ nhất	Giá trúng thầu				Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ
			Thuốc so sánh	Thuốc có hàm lượng ít cạnh tranh trong đấu thầu		Thuốc so sánh		Thuốc ít có cạnh tranh trong đấu thầu		
						Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	
Thuốc so sánh	Cefalexin	Viên nang	500mg		Viên	710				Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefoperazone	Tiêm; lọ		2g	Lọ			69,800	70,000	Nhóm 5
Thuốc so sánh	Cefoperazone	Tiêm; lọ	1g		Lọ	15,800	38,760			Nhóm 5
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Alverin citrat + Simethicon	Viên, uống		40mg+100mg	Viên			1,344	1950	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Alverin citrat + Simethicon	Viên, uống	60mg +300mg		Viên		900	1,900		Nhóm 3
Phối hợp ít cạnh tranh	Cefepim + Arginin	Lọ bột pha tiêm		1g+707,54mg	Lọ			210000	218000	Nhóm 1
Phối hợp ít cạnh tranh	Cefepim + Arginin	Lọ bột pha tiêm		2g+1415,08mg	Lọ			300000	304000	Nhóm 1
Thuốc so sánh	Cefepim	Lọ bột pha tiêm	1g		Lọ	90000	110000			Nhóm
Phối hợp ít cạnh tranh	Cefepim + Arginin	Lọ bột pha tiêm		1g+720mg	Lọ			249800	250000	Nhóm 5

Lý do	Tên hoạt chất	Đường dùng, Dạng bào chế	Nồng độ-Hàm lượng		Đơn vị tính nhỏ nhất	Giá trúng thầu				Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ
			Thuốc so sánh	Thuốc có hàm lượng ít cạnh tranh trong đầu thầu		Thuốc so sánh		Thuốc ít có cạnh tranh trong đầu thầu		
						Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	
Phối hợp ít cạnh tranh	Cefepim + Arginin	Lọ bột pha tiêm		1g+707,54mg	Lọ			98000		Nhóm 5
Thuốc so sánh	Cefepim	Lọ bột pha tiêm	1g		Lọ	44300	49000			Nhóm 5
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đầu thầu, giá cao	Paracetamol + Codeine	Viên nén/nén bao phim		650mg+15mg	Viên			1020	1050	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Paracetamol + Codeine	Viên nén/nén bao phim		500mg+30mg	Viên	650				
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đầu thầu, giá cao	Paracetamol + Codeine	Viên nén/nén bao phim		500mg+20mg	Viên			1050	1600	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Paracetamol + Codeine	Viên nén/nén bao phim	500mg+30 mg		Viên	650				Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đầu thầu, giá cao	Paracetamol	Uống, gói		125mg	Gói			840	1450	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Paracetamol	Uống, gói	150mg		Gói	504	735			Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đầu thầu, giá cao	Glutathion	Lọ		1200mg	Ống, lọ			160000	170000	Nhóm 5

Lý do	Tên hoạt chất	Đường dùng, Dạng bào chế	Nồng độ-Hàm lượng		Đơn vị tính nhỏ nhất	Giá trúng thầu				Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ
			Thuốc so sánh	Thuốc có hàm lượng ít cạnh tranh trong đấu thầu		Thuốc so sánh		Thuốc ít có cạnh tranh trong đấu thầu		
						Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	
Thuốc so sánh	Glutathion		600mg		Ống, lọ	40000	55000			Nhóm 5
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Glucosamin	Viên		625mg	Viên			2300	3000	Nhóm 5
Thuốc so sánh	Glucosamin	Viên	500mg		Viên	590	1230			Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Ampicilin+ Sulbactam	bột pha tiêm		1200mg+ 600mg	Lọ			37905	57981	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Ampicilin + Sulbactam	bột pha tiêm	1000mg + 500mg		Lọ	14300	17997			Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Alverin	viên		50mg	Viên			693		Nhóm 3
Thuốc so sánh	Alverin	Hộp 1 lọ x 100 viên nén, uống	40mg		Viên	107	357			Nhóm 3

IT	Lý do	Tên hoạt chất	Đường dùng, Dạng bào chế	Nồng độ-Hàm lượng		Đơn vị tính nhỏ nhất	Giá trúng thầu				Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ
				Thuốc so sánh	Thuốc có hàm lượng ít cạnh tranh trong đấu thầu		Thuốc so sánh		Thuốc ít có cạnh tranh trong đấu thầu		
							Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	
	Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefalexin		750mg	Viên			1150	3000	Nhóm 3	
	Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefalexin	Uống, viên 700mg	Uống, viên 700mg	Viên			2520	2,600	Nhóm 3	
	Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefalexin	Uống; Vĩ 10 viên nén bao phim	1000mg	Viên			2150	2700	Nhóm 3	
	Thuốc so sánh	Cefalexin	H/10v/10 viên nang cứng, uống	500mg	Viên	710	945			Nhóm 3	
	Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefoperazon Sulbactam	Bột pha tiêm	1,5g + 0,75g	lọ			89,000	92,000	Nhóm 3	
	Thuốc so sánh	Cefoperazon Sulbactam		1g + 1g	Lọ	24000	27,800			Nhóm 3	
	Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefotaxim	Tiêm	1,5g	Lọ			15800	31600	Nhóm 3	
	Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefotaxim		750mg	Lọ			14700	15960	Nhóm 3	
	Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Cefotaxim	Hộp 10 lọ bột pha tiêm	1,25g	Lọ			20979	24500	Nhóm 3	
	Thuốc so sánh	Cefotaxim	Tiêm	1g	Lọ	6880	18,000			Nhóm 3	



Lý do	Tên hoạt chất	Đường dùng, Dạng bào chế	Nồng độ-Hàm lượng		Đơn vị tính nhỏ nhất	Giá trúng thầu				Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn công nghệ
			Thuốc so sánh	Thuốc có hàm lượng ít cạnh tranh trong đấu thầu		Thuốc so sánh		Thuốc ít có cạnh tranh trong đấu thầu		
						Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất	Cao nhất	
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Ceftazidim	Bột pha tiêm + 1 ống dung môi 10 ml		1,5g	Lọ			59000	63000	Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Ceftazidim	Hộp 1 lọ, Lọ thuốc bột pha tiêm + dung môi		1,25g	Lọ			50,000	52,000	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Ceftazidim	Hộp 20 lọ, Tiêm, bột pha tiêm	1g		lọ	12,000	27720			Nhóm 3
Hàm lượng ít có cạnh tranh trong đấu thầu, giá cao	Ceftizoxim	Hộp 10 lọ thuốc bột pha tiêm		2g	Lọ			82530	94000	Nhóm 3
Thuốc so sánh	Ceftizoxim		1g		Lọ	25200	36900			Nhóm 3



**lục 02. Báo cáo tình hình thanh toán chi phí BHYT đối với thuốc có hàm lượng, dạng bào chế, dạng phối hợp ít cạnh tranh trong đấu thầu và có chi phí cao tại các cơ sở KCB trên địa bàn**

(Ban hành kèm theo Công văn số: 56/SĐ /BHXH-DVT ngày 25 tháng 9 năm 2015 của BHXH Việt Nam)

Cơ sở KCB	Tên hoạt chất	Đường dùng, dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Tên thuốc (tên thương mại)	SĐK hoặc số GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm tiêu chí kỹ thuật	Giá thuốc trúng thầu	Giá cơ sở KCB đề nghị thanh toán khi chưa điều chỉnh	Giá sau khi thương thảo, điều chỉnh	Thời gian áp dụng giá thuốc điều chỉnh	Số lượng trúng thầu	Số lượng đã sử dụng đến ngày 01/10/2015	Số lượng còn lại
	2		4	3	5	6	7	9	10	11	12			13	14	15

Người lập biểu  
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng GDBHYT  
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)